

Bản án số: **193/2023/HS-ST**
Ngày: 29-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Minh Trí;

- Bà Nguyễn Ngọc Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trương Quốc T**, sinh năm 1997, tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, đường Đ, tổ 8, khu phố 8, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đình K (đã chết) và bà Đào Thị G; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2023 cho đến nay; có mặt;

2. Họ và tên: **Bùi Sơn C**, sinh năm 1997, tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 6, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số 9, đường Đ, tổ 7, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Sơn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị X; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim T và 01 người con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2023 cho đến nay; có mặt;

Bị hại: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 6, đường Đ, tổ 9, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Quốc T, Bùi Sơn C và Nguyễn Duy N có mối quan hệ là bạn quen biết do cùng sinh sống ở gần nhà nhau và đều là các đối tượng nghiện ma túy.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 17/7/2022, do có hẹn trước nên T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Mio, màu đen (chưa rõ biển số) chạy đến nhà bạn gái của C ở khu phố 8, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương để đón và chở C về nhà tại khu phố 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khi gặp nhau, T rủ C cùng nhau lừa N để lấy tiền tiêu xài bằng cách làm giả giấy triệu tập của Công an mời N đến làm việc rồi kêu N đưa tiền để T lo lót không phải đến làm việc với Công an; C đồng ý. Sau đó, T chở C đi đến nhà bạn gái của T ở cách nhà C khoảng 500 mét rồi T đi vào nhà lấy và đưa cho C 01 (một) tờ Giấy triệu tập có ghi nội dung là “Công an thành phố Thủ Dầu Một triệu tập Nguyễn Duy N, sinh năm 1981, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 6, đường Đ, tổ 9, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương đến PC01 để làm việc, gặp đ/c Trịnh Ngọc Nguyên” nhưng không có chữ ký và đóng dấu mộc đỏ. Tiếp đó, T nói C đưa tờ giấy này cho N và nếu N cần giúp đỡ thì liên hệ với T rồi T sẽ cho C tiền tiêu xài, C đồng ý.

Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Mio chở C chạy đến nhà của N. Tại đây, C đưa tờ Giấy triệu tập cho N cầm xem thì N nói C giữ giùm tờ giấy triệu tập, khi nào cần N sẽ lấy thì C cất tờ Giấy triệu tập vào trong túi quần. Tiếp đó, C nói N nếu cần giúp đỡ để không phải đến làm việc với Công an thì liên hệ với T thì N đồng ý đi cùng với C, T về nhà của T để trao đổi và tìm cách giúp N. Khi về đến nhà T, C lấy tờ Giấy triệu tập đưa lại cho T rồi T bỏ tờ giấy này xuống nền nhà; N đã lấy điện thoại chụp hình tờ giấy này, sau đó C cất lại tờ giấy vào trong túi quần. Lúc này, N hỏi T là làm cách nào giúp đỡ cho N không phải đến Công an làm việc theo Giấy triệu tập của Công an thì T kêu N đưa số tiền 2.000.000 đồng để T đi uống cà phê nói chuyện với Công an; N đồng ý đưa số tiền theo yêu cầu cho T rồi T điều khiển xe mô tô chạy đi; còn C và N ngồi ở nhà đợi T. Khoảng 01 tiếng sau, T chạy về nhà gặp N và nói N chuẩn bị thêm số tiền 8.000.000 đồng đưa cho T trong chiều ngày 18/7/2022 hoặc sáng ngày 19/7/2022 để T đi lo lót cho N không phải đến làm việc theo Giấy triệu tập của Công an; N đồng ý.

Đến khoảng 12 giờ ngày 18/7/2022, C điều khiển xe mô tô hiệu Honda Visson, màu đỏ, biển số 61B2-344.37 đi công việc và khi đi ngang qua nhà N thì thấy T đang đứng trước cửa nhà nên C chạy lại gặp T. Lúc này, N từ trong nhà đi ra đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng rồi C cùng với T điều khiển xe mô tô bỏ đi một đoạn khoảng 200 mét thì cả hai dừng lại và T đã đưa cho C số tiền 4.000.000 đồng rồi T điều khiển xe mô tô bỏ đi, còn C điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Đến ngày 26/7/2022, qua tìm hiểu thông tin liên quan thì N biết được việc bị T và C đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của N nên N đến

Công an phường Hiệp An trình báo sự việc. Cùng ngày 26/7/2022, Công an phường Hiệp An yêu cầu C về trụ sở để làm việc thì C đã khai nhận hành vi cùng với T đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của N, còn T thì bỏ trốn. Sau đó, Công an phường Hiệp An xác minh, lập hồ sơ vụ việc và đến ngày 29/7/2022 chuyển giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một giải quyết theo thẩm quyền.

Đến ngày 04/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một mời Trương Quốc T và Bùi Sơn C đến làm việc thì C khai nhận hành vi cùng với T đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của N. T chỉ thừa nhận hành vi giúp sức cho C để chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng nhưng không thừa nhận là người chủ mưu đề xuất việc đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của N. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của C và N có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội với vai trò là người chủ mưu của Trương Quốc T.

Quá trình xác minh và điều tra, Bùi Sơn C đã tự nguyện bồi thường cho Nguyễn Duy N số tiền 10.000.000 đồng. Hiện tại, N không có yêu cầu gì khác và làm đơn xin bãi nại cho C.

Cáo trạng số 193/CT-VKSTDM ngày 18/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trương Quốc T và Bùi Sơn C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Sơn C từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu giải quyết.

- Về vật chứng: Không có.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Riêng bị cáo T cho rằng trong giai đoạn điều tra, đôi lúc do sợ nên không dám khai mình là người chủ động bàn bạc với C lừa lấy tiền của bị hại N và trực tiếp nhận tiền của bị hại. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp lời khai của bị hại, nội dung bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 00 phút, ngày 17/7/2022, tại nhà của bị cáo Trương Quốc T, địa chỉ số 121/14, đường ĐX 105, tổ 80, khu phố 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; các bị cáo Trương Quốc T và Bùi Sơn C đã dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của bị hại Nguyễn Duy N. Tiếp đó, đến khoảng 12 giờ 00 phút ngày 18/7/2022, tại nhà của bị hại Nguyễn Duy N, địa chỉ số 046, đường ĐX 105, tổ 79, khu phố 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, các bị cáo T và C tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt thêm số tiền 8.000.000 đồng của bị hại N. Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại N là 10.000.000 đồng. Nên hành vi mà các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; trong đó bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng và cùng bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện; cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; đây là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Quốc T và Bùi

Sơn C thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án và biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Quốc T và Bùi Sơn C, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Quốc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2023.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Sơn C 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Quốc T và Bùi Sơn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Sinh

